

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/DS-PT

Ngày: 04-4-2018

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 201 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 299/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lương Văn C, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: - Bùi Thị T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- Bùi Đức H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà T và ông H: Chị Đỗ Thị T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 01/6/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, ông H: Luật sư Lê Văn L – Văn phòng luật sư NT, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bùi Văn N1, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp;

- Bùi Phú T2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã N, Đồng Tháp;

- Bùi Thúy H2, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã N, Đồng Tháp.

- Bùi Văn Đ, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Đường D, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
- Bùi Lệ T3, sinh năm 1967;
Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.
Người kháng cáo: Bùi Thị T, Bùi Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lương Văn C trình bày: Vào năm 2011, ông khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị V (mẹ của Bùi Thị T, Bùi Đức H, bà V đã chết), Tòa án nhân dân thị xã N ra bản án số 43 là giữ y giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V, còn phần đất ngoài giấy chứng nhận của bà V thì Tòa án không xem xét, ông tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã N, đến ngày 11/9/2013 thì UBND thị xã N có quyết định số 13 với nội dung buộc hộ bà V (nay bà T và ông H) phải có trách nhiệm tháo dỡ một phần căn nhà và vật kiến trúc di dời khỏi phần đất tranh chấp để trả lại mặt bằng cho ông sử dụng, ông không biết lý do gì vào ngày 04/4/2016 thì Chủ tịch UBND thị xã N có quyết định số 05 với nội dung là hủy quyết định số 13. Phần đất mà hộ bà T, ông H đã lấn chiếm của ông có tứ cận gồm: Hướng Đông 8,04m, hướng Tây 8,10m, hướng Nam 2,40m, hướng Bắc 3,33m. Tổng cộng hộ bà T, ông H lấn chiếm đất của ông diện tích 22,8m² thuộc thửa 345, tờ bản đồ 64, tọa lạc tại Khóm A, phường L, thị xã N, Đồng Tháp, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông yêu cầu hộ bà T, ông H tháo dỡ một phần căn nhà và vật kiến trúc để trả đất cho ông theo diện tích nêu trên. Tuy nhiên, theo đo đạc thực tế phần đất tranh chấp diện tích là 23,4m², thửa 212, tờ bản đồ 20 (tương ứng một phần thửa 345, tờ bản đồ 64), nên ông C khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H di dời một phần căn nhà để trả lại đất cho ông diện tích 23,4m², thuộc một phần thửa 212, tờ bản đồ 20, tại Khóm A, phường L, thị xã N, Đồng Tháp, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu hộ bà T, ông H không trả đất thì yêu cầu hộ bà T, ông H trả giá trị đất theo giá của Hội đồng định giá. Ông có biết việc hộ bà V được đền bù khi Nhà nước giải phóng mặt bằng, bà V có được bồi hoàn tiền nhưng bà V (nay là bà T, ông H) chưa nhận, hiện nay Nhà nước đã ngưng phương án giải phóng mặt bằng tại vị trí đất tranh chấp nên ông không có ý kiến gì đối với phần này. Việc hộ bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông không hay biết vì ông không có ký giáp ranh, ông cam kết chỉ khởi kiện tại Tòa án chứ không khiếu nại tại cơ quan hành chính nào khác, ngoài các yêu cầu trên ông không có yêu cầu nào khác.

- Theo bản khai ngày 05/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị T, ông Bùi Đức H cùng ủy quyền cho chị Đỗ Thị T1 trình bày: Việc ông Lương Văn C khởi kiện yêu cầu bà T, ông H trả đất diện tích 23,4m², thuộc một phần thửa 212, tờ bản đồ 20, tại Khóm A, phường L, thị xã N, Đồng Tháp là không phù hợp bởi các lý do sau: Nguồn gốc đất là nương lộ do Nhà nước quản lý, vào khoảng năm 1982, bà V cất nhà và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay, trong suốt thời gian sử dụng không ai tranh chấp. Khi Nhà nước giải tỏa hành

lang lộ giới vì không còn đất phía sau nên nhà bà phải buộc cửa mái, điều này ông C biết. Việc gia đình bà xin đăng ký quyền sử dụng đất được Nhà nước đo đạc thực tế hiện trạng đang sử dụng nên mới được cấp giấy. Khi chủ trương của Nhà nước quy hoạch Cụm dân cư Trung tâm xã A (nay là phường L) đã đo đạc toàn bộ diện tích nhà để đền bù cho bà, so với hiện tại diện tích này vẫn không thay đổi, thời điểm này ông C cũng biết nhưng không tranh chấp, chứng tỏ phần diện tích đất của bà đã sử dụng ổn định. Việc ông C cho rằng bà sử dụng đất thừa là do bà sửa chữa lòi nhà lại là không hợp lý vì từ khi mở rộng lộ giới cho đến khi Nhà nước quy hoạch nhà bà vẫn giữ nguyên hiện trạng cho đến nay không coi nói hay sửa chữa. Theo phương án đền bù mà Nhà nước kê khai vào những năm đó so với hiện trạng bây giờ vẫn không thay đổi. Do đó, hộ gia đình bà T, ông H không thống nhất trả đất cũng không thống nhất trả giá trị đất theo yêu cầu của ông C. Nếu như Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của ông C thì hộ bà T, ông H không yêu cầu ông C trả giá trị đất. Đối với phần phương án bồi thường do Nhà nước giải phóng mặt bằng, hộ bà V (nay là bà T, ông H được bồi thường tiền nhưng chưa nhận, hiện nay Nhà nước đã ngưng phương án giải phóng mặt bằng tại vị trí đất tranh chấp, việc Nhà nước quy hoạch hay ngưng quy hoạch là chuyện của Nhà nước nên bà không có ý kiến gì đối với phần này. Ngoài ra bà T, ông H không có yêu cầu nào khác.

- Theo bản khai ngày 16/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn N1 trình bày: Ông là con của bà Nguyễn Thị V, ông thống nhất theo lời trình bày của bà Bùi Thị T, ông Bùi Đức H là không thống nhất trả đất và cũng không thống nhất trả giá trị đất theo yêu cầu của ông C. Nếu như Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của ông C thì ông N1 không yêu cầu ông C trả giá trị đất. Đối với phần phương án bồi thường do Nhà nước giải phóng mặt bằng hiện nay Nhà nước đã ngưng, việc Nhà nước quy hoạch hay ngưng quy hoạch là chuyện của Nhà nước nên ông không có ý kiến gì đối với phần này. Ngoài ra, ông N1 không có yêu cầu nào khác.

- Theo bản khai ngày 16/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Phú T2 trình bày: Ông là con của bà Nguyễn Thị V, mẹ ông chết năm 2015, ông có vợ và gia đình sống riêng nên phần đất và căn nhà đang tranh chấp là bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H trực tiếp quản lý, sinh sống nên ông không có quyền lợi gì liên quan đến phần đất và căn nhà này, mọi quyết định do bà T và ông H quyết định ông không có tranh chấp cũng không có yêu cầu gì.

- Theo bản khai ngày 16/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thúy H2 trình bày: Bà là con của bà Nguyễn Thị V, mẹ bà chết năm 2015, bà có chồng và sống riêng nên phần đất và căn nhà là của bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H trực tiếp quản lý, sinh sống nên bà không có quyền lợi gì liên quan đến phần đất và căn nhà này, mọi quyết định do bà T và ông H quyết định bà không có tranh chấp cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu như Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của ông C thì bà không yêu cầu gì đối với ông C, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

- Theo bản khai ngày 16/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đ trình bày: Ông là con của bà

Nguyễn Thị V, mẹ ông chết năm 2015, ông có vợ và sống riêng nên phần đất và căn nhà đang tranh chấp là của bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H trực tiếp quản lý, sinh sống nên ông không có quyền lợi gì liên quan đến phần đất và căn nhà này, mọi quyết định do bà T và ông H quyết định ông không có tranh chấp cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

- Theo bản khai ngày 16/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Lệ T3 trình bày: Bà là con của bà Nguyễn Thị V, mẹ bà chết năm 2015, bà có chồng và gia đình sống riêng nên phần đất và căn nhà đang tranh chấp là của bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H trực tiếp quản lý, sinh sống nên bà không có quyền lợi gì liên quan đến phần đất và căn nhà này, mọi quyết định do bà T và ông H quyết định bà không có tranh chấp cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu như Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của ông C thì bà không yêu cầu gì đối với ông C, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Tại bản án sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lương Văn C. Buộc hộ bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H có trách nhiệm liên đới trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn C với số tiền là 70.200.000đ (Bảy mươi triệu hai trăm ngàn đồng).

2. Hộ bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 23,4m² thuộc một phần thửa 212, tờ bản đồ 20, đất tọa lạc tại Khóm A, phường L, thị xã N, cụ thể như sau:

- + Chiều ngang phía trước từ mốc 1 đến mốc 4 là 8,19m;
- + Chiều ngang phía sau từ mốc 2 đến mốc 3 là 8,30m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 1 đến mốc 2 là 3,31m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 3 đến mốc 4 là 2,40m;

Trong đó:

Mốc 1: Đo gờ về mốc 6 là 8,23m và đo về mốc 2 là 3,31m;

Mốc 2: Đo gờ về góc nhà là 3,30m và đo về cây dừa là 5,40m;

Mốc 3: Đo gờ về góc nhà một đoạn là 7,95m và đo gờ về góc nhà một đoạn là 8,00m;

Mốc 4: Đo gờ về mốc 5 là 7,98m và đo về mốc 3 là 2,40m;

(Kèm theo Mạnh trích đo số 297 - 2017 ngày 09/6/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã N).

3. Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

+ Buộc hộ bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H phải liên đới nộp 3.510.000đ (Ba triệu năm trăm mười ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lương Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.710.000đ theo biên lai số 034699 ngày 18/5/2017 và 300.000đ theo biên lai số 13985 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền hộ bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H phải chịu là 2.974.000đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng). Do ông Lương

Văn C đã tạm ứng và đã chi xong, nên hộ bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H phải có trách nhiệm liên đới nộp để trả lại cho ông Lương Văn C theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2017, bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H kháng cáo bản án sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N.

- Tại phiên tòa phúc thẩm chỉ T1 đại diện cho bà T, ông H trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, buộc ông C trả lại diện tích đất 23,4m².

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông C trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà T, ông H.

- Luật sư Lê Văn L phát biểu ý kiến:

- + Ông C không có giấy tờ gì để chứng minh nguồn gốc đất là của ông C. Nguồn gốc đất là của ông G để lại cho ông H3 (cha của bà V) chứ không phải của ông C. Cho nên ông C không có quyền khởi kiện.

- + Khi bà V, bà T, ông H xây cất nhà thì ông C biết nhưng không có ngăn cản hoặc yêu cầu gì.

- + Hiện nay gia đình bà T, ông H đã sử dụng ổn định. Bà V đã đăng ký và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất. Phần đất tranh chấp 23,4m² nằm trong diện tích 117m² đã cấp cho bà V. Khi Nhà nước lập phương án đền bù cho bà V thì ông C không có tranh chấp gì. Khi mở hành lang lộ giới gia đình bà V cất một phần mái nhà, ông C cũng biết và gia đình bà V không có dịch chuyển nhà ra phía sau như ông C trình bày.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, ông H, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Bùi Văn N1, Bùi Phú T2, Bùi Thúy H2, Bùi Văn Đ, Bùi Lệ T3 vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Xét thấy phần đất tranh chấp có tứ cận gồm: Hướng Đông 8,04m, hướng Tây 8,10m, hướng Nam 2,40m, hướng Bắc 3,33m, tổng cộng diện tích tranh chấp thực đo là 23,4m² thuộc một phần thửa 242, tờ bản đồ 20, tọa lạc tại Khóm A, phường L, thị xã N, Đồng Tháp, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất này trước đây UBND thị xã N giải quyết buộc hộ bà V (nay bà T và ông H) phải có trách nhiệm tháo dỡ một phần căn nhà và vật kiến trúc di dời khỏi phần đất tranh chấp để trả lại mặt bằng cho ông sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông D (cha của ông C) và có quá trình sử dụng đất ổn định lâu dài từ trước năm 1975. Sau đó ông D để lại cho ông C sử dụng từ năm 1988 đến nay.

Năm 1982 bà V cất nhà ở trên đất ông D và sau đó có cho bà N2 (con bà V) sử dụng một phần, phần đất bà V và bà N2 sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng gia đình bà V coi nhà lần ra phía sau thuộc phạm vi đất của ông C.

[3] Tuy nhiên nếu di dời nhà, tài sản trả đất cho ông C sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống cho gia đình bà T, ông H cho nên buộc bà T, ông H trả giá trị phần diện tích đất lấn chiếm của ông C.

[4] Phía bên bà T, ông H không đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận kháng cáo.

[5] Đối với bà Phạm Thị Ngọc S không có đơn yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt vấn đề xem xét. Nếu bà S khởi kiện sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Với những nhận định như đã nói trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, ông H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà T, ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà T, ông H.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lương Văn C. Buộc hộ bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H có trách nhiệm liên đới trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn C với số tiền là 70.200.000đ (Bảy mươi triệu hai trăm ngàn đồng).

2. Hộ bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 23,4m² thuộc một phần thửa 212, tờ bản đồ 20, đất tọa lạc tại Khóm A, phường L, thị xã N, cụ thể như sau:

+ Chiều ngang phía trước từ mốc 1 đến mốc 4 là 8,19m;

+ Chiều ngang phía sau từ mốc 2 đến mốc 3 là 8,30m;

+ Chiều dài một cạnh từ mốc 1 đến mốc 2 là 3,31m;

+ Chiều dài một cạnh từ mốc 3 đến mốc 4 là 2,40m;

Trong đó:

Mốc 1: Đo gờ về mốc 6 là 8,23m và đo về mốc 2 là 3,31m;

Mốc 2: Đo gờ về góc nhà là 3,30m và đo về cây dừa là 5,40m;

Mốc 3: Đo gởi về góc nhà một đoạn là 7,95m và đo gởi về góc nhà một đoạn là 8,00m;

Mốc 4: Đo gởi về mốc 5 là 7,98m và đo về mốc 3 là 2,40m;

(Kèm theo Mảnh trích đo số 297 - 2017 ngày 09/6/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã N).

3. Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc hộ bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H phải liên đới nộp 3.510.000đ (Ba triệu năm trăm mười ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H mỗi người phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 14068 và 14069 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

- Ông Lương Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.710.000đ theo biên lai số 034699 ngày 18/5/2017 và 300.000đ theo biên lai số 13985 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền hộ bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H phải chịu là 2.974.000đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng). Do ông Lương Văn C đã tạm ứng và đã chi xong, nên hộ bà Bùi Thị T và ông Bùi Đức H phải có trách nhiệm liên đới nộp để trả lại cho ông Lương Văn C theo quy định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Thông**